

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 126/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2018, giữa:

-*Nguyên đơn:* **Bà Nguyễn Thị Ng**, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Số nhà 5, đường C, tổ 11, phường Tr, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

- *Bị đơn:* **Ông Phạm Trung D (tên gọi khác là Phạm Minh D)**, sinh năm 1960;

Địa chỉ: Số nhà 5, đường C, tổ 11, phường Tr, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

Hiện đang chấp hành án tại Trại giam N (địa chỉ: xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình).

Căn cứ vào Điều 147, khoản 3 Điều 157, Điều 165, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 33, Điều 35, Điều 38, Điều 39, Điều 40, Điều 55, Điều 57, Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Điều 213, Điều 218, Điều 219 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16/4/2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Ng và ông Phạm Trung D (tên gọi khác là Phạm Minh D).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Ng và ông Phạm Trung D (tên gọi khác là Phạm Minh D) không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.2. Về chia tài sản:

Bà Nguyễn Thị Ng và ông Phạm Trung D (tên gọi khác là Phạm Minh D) thống nhất khối tài sản chung của vợ chồng bà Nguyễn Thị Ng và ông Phạm Trung D như sau:

- 01 thửa đất có diện tích 500m² đất (trong đó có 75m² đất ở, 425m² đất vườn) tại thửa đất số 30, tờ bản đồ số 19, lập năm 1999, địa chỉ thửa đất: Tổ 11, phường Tr, thị xã T, tỉnh Ninh Bình. Đất đã được Ủy ban nhân dân thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Ninh Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE47393 ngày 30/12/2011 mang tên ông Phạm Trung D và bà Nguyễn Thị Ng. (Thửa đất trị giá 1.361.600.000 đồng).

- 01 Nhà mái bằng 2 tầng cùng toàn bộ vật kiến trúc gắn liền với nhà trên một phần diện tích 500m² đất tại thửa đất số 30, tờ bản đồ số 19, lập năm 1999, địa chỉ thửa đất: Tổ 11, phường Tr, thị xã T, tỉnh Ninh Bình. Đất đã được Ủy ban nhân dân thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Ninh Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE47393 ngày 30/12/2011 mang tên ông Phạm Trung D và bà Nguyễn Thị Ng. (Nhà mái bằng 2 tầng và vật kiến trúc gắn liền với nhà trị giá 186.562.000 đồng).

- 01 Nhà mái ngói cùng toàn bộ vật kiến trúc gắn liền với nhà trên một phần diện tích 500m² đất tại thửa đất số 30, tờ bản đồ số 19, lập năm 1999, địa chỉ thửa đất: Tổ 11, phường Tr, thị xã T, tỉnh Ninh Bình. Đất đã được Ủy ban nhân dân thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Ninh Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE47393 ngày 30/12/2011 mang tên ông Phạm Trung D và bà Nguyễn Thị Ng. (Nhà mái ngói và vật kiến trúc gắn liền với nhà trị giá 116.758.000 đồng).

- Về cây lưu niên:

01 cây hồng xiêm có đường kính tán trên 5m, trị giá 210.000 đồng.

04 cây hồng xiêm có đường kính tán trên 4m, trị giá 760.000 đồng/04 cây.

01 cây nhâm dồi có đường kính tán trên 4m; trị giá 113.000 đồng.

- Về các tài sản khác:

01 xe mô tô nhãn hiệu SYM NEW ANGEL, biển kiểm soát 35F5 – 7340, mang tên ông Phạm Trung D trị giá: 3.500.000 đồng;

01 máy giặt nhãn hiệu LG 7kg cửa ngang INVERTER, trị giá: 3.500.000 đồng;

- 01 tủ lạnh nhãn hiệu DAEWOO 160lít, trị giá: 1.200.000 đồng;
- 01 bộ bàn ghế salông nan gỗ lim, trị giá: 1.500.000 đồng;
- 01 bộ tủ ly bằng tủ gỗ 01 cánh gỗ + kính, trị giá: 1.800.000 đồng;
- 02 tủ hai buồng bằng gỗ ép, trị giá: 1.450.000 đồng/1tủ x 2tủ = 2.900.000 đồng;
- 01 tủ hai buồng bằng gỗ, trị giá: 2.000.000 đồng;
- 01 giường gỗ lim, KT 1,5mx2m; trị giá: 1.200.000 đồng;
- 01 tivi nhãn hiệu Sony 32 inch, trị giá: 3.000.000 đồng;
- 01 bình nóng lạnh nhãn hiệu OLYMPIC 20 lít, trị giá: 2.000.000 đồng.

Ngoài ra bà Nguyễn Thị Ng và ông Phạm Trung D (tên gọi khác là Phạm Minh D) thống nhất không còn tài sản nào khác.

Tổng trị giá các tài sản chung của vợ chồng bà Nguyễn Thị Ng và ông Phạm Trung D (tên gọi khác là Phạm Minh D) là 1.688.603.000 đồng. Ông Phạm Trung D và bà Nguyễn Thị Ng thống nhất thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng như sau:

***. Bà Nguyễn Thị Ng được quyền sở hữu, sử dụng những tài sản sau:**

- 01 Nhà mái bằng 2 tầng cùng toàn bộ vật kiến trúc gắn liền với nhà và 01 Nhà mái ngói cùng toàn bộ vật kiến trúc gắn liền với nhà trên diện tích 500m² đất tại thửa đất số 30, tờ bản đồ số 19, lập năm 1999, địa chỉ thửa đất: Tổ 11, phường Tr, thị xã T, tỉnh Ninh Bình. Đất đã được Ủy ban nhân dân thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Ninh Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE47393 ngày 30/12/2011 mang tên ông Phạm Trung D và bà Nguyễn Thị Ng. (Nhà mái bằng 2 tầng và vật kiến trúc gắn liền với nhà trị giá 186.562.000 đồng; nhà mái ngói và vật kiến trúc gắn liền với nhà trị giá 116.758.000 đồng).

- Bà Nguyễn Thị Ng được quyền sử dụng thửa đất có diện tích 500m² đất (trong đó có 75m² đất ở; 425m² đất vườn) tại thửa đất số 30, tờ bản đồ số 19, lập năm 1999, địa chỉ thửa đất: Tổ 11, phường Tr, thị xã T, tỉnh Ninh Bình. Đất đã được Ủy ban nhân dân thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh Ninh Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE47393 ngày 30/12/2011 mang tên ông Phạm Trung D và bà Nguyễn Thị Ng. (Thửa đất trị giá 1.361.600.000 đồng).

- Bà Nguyễn Thị Ng được quyền sở hữu, sử dụng các tài sản khác như: 01 cây hồng xiêm có đường kính tán trên 5m, trị giá 210.000 đồng; 04 cây hồng xiêm có đường kính tán trên 4m, trị giá 760.000 đồng/4 cây; 01 cây nhâm dồi có đường kính tán trên 4m; trị giá 113.000 đồng; 01 máy giặt nhãn hiệu LG 7kg cửa ngang INVERTER, trị giá: 3.500.000 đồng; 01 tủ lạnh nhãn hiệu DAEWOO 160lít, trị giá: 1.200.000 đồng; 01 bộ bàn ghế salông nan gỗ lim, trị giá: 1.500.000 đồng; 01 bộ tủ ly bằng tủ gỗ 01 cánh gỗ + kính, trị giá: 1.800.000 đồng; 02 tủ hai buồng bằng gỗ

ép, trị giá: 2.900.000 đồng/02 tủ; 01 tủ hai buồng bằng gỗ, trị giá: 2.000.000 đồng; 01 giường gỗ lim, KT 1,5mx2m; trị giá: 1.200.000 đồng; 01 tivi nhãn hiệu Sony 32 inch, trị giá: 3.000.000 đồng; 01 bình nóng lạnh nhãn hiệu OLYMPIC 20 lít, trị giá: 2.000.000 đồng.

Tổng trị giá các tài sản bà Nguyễn Thị Ng được sở hữu, sử dụng là 1.685.103.000 đồng, nhưng bà Nguyễn Thị Ng có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho ông Phạm Trung D số tiền 552.500.000 đồng. Ông Phạm Trung D (tên gọi khác là Phạm Minh D) được nhận số tiền chênh lệch giá trị tài sản chung từ bà Nguyễn Thị Ng là 552.500.000 đồng.

Ông Phạm Trung D được quyền sở hữu, sử dụng 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM NEW ANGEL, biển kiểm soát 35F5 – 7340, mang tên ông Phạm Trung D trị giá: 3.500.000 đồng.

Như vậy, tổng trị giá các tài sản mà ông Phạm Trung D được hưởng là: 556.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi sáu triệu đồng). Tổng trị giá các tài sản mà bà Nguyễn Thị Ng được hưởng là: 1.132.603.000 đồng (Một tỷ một trăm ba mươi hai triệu sáu trăm linh ba nghìn đồng).

Về phương án bà Nguyễn Thị Ng có nghĩa vụ thanh toán số tiền 552.500.000 đồng (Năm trăm năm mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng) cho ông Phạm Trung D cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Kể từ ngày 16/4/2019 đến ngày 16/7/2019 bà Nguyễn Thị Ng có nghĩa vụ thanh toán số tiền 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng) cho ông Phạm Trung D.

Lần thứ hai: Kể từ ngày 17/7/2019 đến ngày 17/7/2020 bà Nguyễn Thị Ng có nghĩa vụ thanh toán số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) cho ông Phạm Trung D.

Lần thứ ba: Kể từ ngày 18/7/2020 đến ngày 18/7/2021 bà Nguyễn Thị Ng có nghĩa vụ thanh toán số tiền 202.500.000 đồng (Hai trăm linh hai triệu năm trăm nghìn đồng) cho ông Phạm Trung D.

Bà Nguyễn Thị Ng có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

2.3. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ng và ông Phạm Trung D không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.4. Về chi phí tố tụng

Bà Nguyễn Thị Ng chịu 2.279.500 đồng (Hai triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm đồng) chi phí tố tụng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản đã nộp. Như vậy bà Nguyễn Thị Ng đã nộp đủ chi phí tố tụng là 2.279.500 đồng (Hai triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm đồng).

Ông Phạm Trung D chịu 2.279.500 đồng (Hai triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm đồng) chi phí tố tụng. Do bà Nguyễn Thị Ng đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản là 4.559.000 đồng nên ông Phạm Trung D phải hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Ng số tiền 2.279.500 đồng (Hai triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm đồng) chi phí tố tụng.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ng nộp 150.000 đồng án phí thuận tình ly hôn và 22.989.000 đồng án phí chia tài sản; tổng cộng bà Nguyễn Thị Ng phải nộp 23.139.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 7.462.500 đồng theo biên lai số AA/2016/0001343 ngày 17/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tam Điệp. Bà Nguyễn Thị Ng còn phải nộp 15.676.500 đồng (Mười lăm triệu sáu trăm bảy mươi sáu nghìn năm trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Trung D nộp 13.120.000 đồng (Mười ba triệu một trăm hai mươi nghìn đồng) án phí chia tài sản.

*. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP. Tam Điệp;
- Chi cục THADS TP. Tam Điệp;
- UBND xã Gi, Gia Viễn,
Ninh Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Phượng